TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 389/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Thị Hồng D, sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Ấp Ô, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/4/2019).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980. Trú tại: Ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Châu Thị Hồng D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn P do quen biết, tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre vào năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại xã M. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P thường xuyên nhậu nhẹt không tập trung làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình và cùng chị chăm sóc dạy dỗ con cái. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, chị đã tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Châu Hà Y, sinh ngày 02/01/2017 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 21/8/2008, hiện các con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi 02 con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi con 800.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Phương không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Hồng D, cho chị D ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Về nuôi con chung, chị D và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Châu Hà Y, sinh ngày 02/01/2017 và cháu Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 21/8/2008 hiện do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Y và

cháu V về mặt tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho chị D được tiếp tục nuôi con, buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi con 800.000 đồng/tháng. Không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị D và anh P trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Châu Thị Hồng D và nội dung vụ việc cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là tranh chấp "Ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo biên bản xác minh ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Công an xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre thì bị đơn Nguyễn Văn P đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 23/4/2019 và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Thị Hồng D đối với anh Nguyễn Văn P, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Châu Thị Hồng D và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị D nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên nhậu nhẹt không tập trung làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình và cùng chị chăm sóc dạy dỗ con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải cho các đương sự được biết để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ còn chị D vẫn cương quyết xin ly hôn với anh P vì không còn tình cảm. Ngoài ra, qua xác minh tại trưởng ấp K thì cách đây khoảng 01 năm chị D và anh P đã sống ly thân, chị D về nhà mẹ ruột sống nguyên nhân do anh P đi làm nhậu nhẹt, đi sớm về trễ, dẫn đến vợ chồng cự cãi. Điều đó chứng minh cuộc hôn nhân của chị D và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị và anh P ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: Chị D và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Châu Hà Y, sinh ngày 02/01/2017 và Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 21/08/2008 đang sống với chị D. Chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 02/01/2019, cháu V trình bày nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu V và cháu Y, cần tiếp tục giao cháu V và cháu Y cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Trên cơ sở cân nhắc mức sống tại địa phương, quy định của pháp luật và xem xét về khả năng kinh tế của anh P, buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc V và Nguyễn Châu Hà Y mỗi cháu mỗi tháng 800.000 đồng đến khi cháu V, cháu Y đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định giữa chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung. Anh P không có ý kiến về tài sản chung và về nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Châu Thị Hồng D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Hồng D.

Chị Châu Thị Hồng D được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[2] Về nuôi con chung: Chị Châu Thị Hồng D được quyền trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 21/8/2008 và Nguyễn Châu Hà Y, sinh ngày 02/01/2017. Buộc anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu Y mỗi cháu 800.000 đồng/01 tháng đến khi cháu Y, cháu V tròn 18 tuổi với hình thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần bắt đầu từ tháng 5/2019.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Châu Thị Hồng D phải chịu 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000308 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Án phí cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn P phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã M (27; 20/6/2008), (1b);
- Đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Đỉnh